

HỒ CHÍ MINH CITY

THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE - 131 SOLTIEH SIANG, SOUTH

SATHORN ROAD BANGKOK 13 THAILAND

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. NAME: NGUYỄN VĂN BÍ, SEX: NAM

2. OTHER NAME:

3. DATE / PLACE OF BIRTH: 30-7-1943 XÃ QUỚI THÀNH, BẾN TRE

4. RECEDENCE ADDRESS: KHU 2, NHÀ SỐ 139 ẤP TIỀN TÂY THƯỜNG XÃ TIỀN THUY, CHÂU THÀNH, BẾN TRE

5. CURRENT OCCUPATION: LÀM RUỘNG

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

(NOTE: YOUR SPOUSE AND UNMARRIED CHILDREN ARE THE ONLY RELATIVES ELIGIBLE TO ACCOMPANY YOU. LIST MARRITAL STATUS (MS) AS FOLLOW: MARRIED (M) DIVORCED (D) WEDOWED (W) OR SINGLE (S).

NAME	DATE OF BIRTH	PLASE OF BIRTH	SEX	MS	RELATIONSHIP
1. NGUYỄN HỒNG VÂN	1949	XÃ TIỀN THUY	NỮ	CÓ CHỒNG	VỢ
2. NGUYỄN THỊ HỒNG LAN	1968	XÃ AN ĐỨC	NỮ	ĐỘC THÂN	CON
3. NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC	1969	XÃ AN ĐỨC	NỮ	ĐỘC THÂN	CON
4. NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ	1971	H MỎ CÂY	NỮ	ĐỘC THÂN	CON
5. NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	1979	XÃ TIỀN THUY	NỮ	ĐỘC THÂN	CON
6. NGUYỄN MAI HÈN	1983	XÃ TIỀN THUY	NAM	ĐỘC THÂN	CON

NOTE: FOR THE PERSONS LIST ABOVE, WE WILL NEED, LEGIBLE COPIES OF BIRTH CERTIFICATES, MARRIAGE CERTIFICATES (IF MARRIED) DIVORCE DECREES (IF DIVORCED) SPOUSE DEATH CERTIFICATES (IF WEDOWED) IDENTIFICATION CARDS (IF AVAILABLE) AND PHOTOS, IF ANY OF THE ABOVE ACCOMPANY RELATIVES DO NOT LIVE WITH YOU PLEASE NOTE THEIR ADDRESS IN SECTION I BELOW

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

1. CLOSEST RELATIVES IN U.S.A

a) NAME:

b) RELATIONSHIP:

c) ADDRESS:

2. CLOSEST RELATIVES IN OTHER FOREIGN COUNTRIES

a) NAME : -

b) RELATIONSHIP : -

c) ADDRESS : -

D. - COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / DEAD)

1. FATHER : NGUYỄN VĂN QUYỀN (CHẾT)

2. MOTHER : LÊ THỊ SANG (SỐNG)

3. SPOUSE : NGUYỄN HỒNG VĂN (SỐNG)

4. FORMER SPOUSE (IF ANY) -

5. CHILDREN :

1) NGUYỄN THỊ HỒNG LAN (SỐNG)

2) NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC (SỐNG)

3) NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ (SỐNG)

4) NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM (SỐNG)

5) NGUYỄN MAI HÈN (SỐNG)

6. SIBLINGS :

1) NGUYỄN THỊ BÉ (SỐNG)

2) NGUYỄN VĂN BÍ² (SỐNG)

3) NGUYỄN THỊ TIỆM (SỐNG)

4) NGUYỄN THỊ LANH (SỐNG)

5) NGUYỄN THỊ SA (SỐNG)

6) NGUYỄN VĂN HOÀN (SỐNG)

E. - EMPLOYMENT BY U.S GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER

U.S ORGANISATION OF YOU OR YOUR SPOUSE. -

F. - SERVICE WITH GUF OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1) NAME OF PERSON SERVING : NGUYỄN VĂN BÍ

2) DATE FROM : 13 - 2 - 1966 TO : 30 - 4 - 1975

3) LAST RANK : THIẾU ÚY

4) MINISTRY / OFFICE / MILITARY UNIT : BỘ TƯ LỆNH CẢNH SÁT
QUỐC GIA / BỘ CHỈ HUY CẢNH SÁT QUỐC GIA TỈNH BIÊN HOÀ /
CẢNH SÁT

5) NAME OF SUPERVISOR (C.O : TRUNG TA MÂN

6) REASON FOR SEPARATION -

7) NAME OF AMERICAN ADVISOR -

8) U.S TRAINING COURSE IN VIETNAM -

9. U.S AWARDS OF CERTIFICATES: - NO

NOTE: PLEASE ATTACH ANY COPIES OF DIPLOME AWARDS OR CERTIFICATES IF AVAILABLE

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

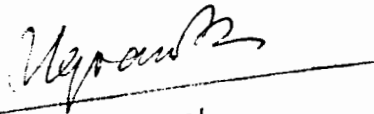
H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

- 1) NAME OF PERSON IN REEDUCATION: NGUYEN-VAN-BI
 - 2) TIME IN REEDUCATION: 7 NĂM 01 THÁNG 18 NGÀY
FROM 30-4-1975 TO 18-6-1982
 - 3) STILL IN REEDUCATION: NO
- (IF RELEASED, WE MUST HAVE A COPY OF YOUR RELEASE CERTIFICATES)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

SIGNATURE

DATE



3. 2. 1990

NGUYEN-VAN-BI

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- 01 lệnh thả, 01 QUYẾT ĐỊNH PHỤC HỒI QUYỀN CÔNG DÂN
- 01 TỜ HỘ KHẨU THÔNG TƯ, 01 HỒN THƯ - 07 KHAI SANH
CỦA NHỮNG NGƯỜI TRONG GIA ĐÌNH VÀ 07 ẢNH 4 x 6

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH BẾN TRÉ

Số 64K/LT MB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

LỆNH THA

Tôi

Chức vụ Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bến tre.

Căn cứ quyết định miễn tố số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
đối với bị can Nguyễn Văn Bì Can tội thiếu uy cảnh sát nội bộ.

Căn cứ vào pháp luật hiện hành:

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn Văn Bì Bí danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1943

Sinh quán Bến tre

Trú quán Thị trấn, Khu 4, Phường 5, TX Bến tre

Nghề nghiệp quản chế 12 tháng kể từ ngày ký lệnh.

Ông giám thị trại tạm giam Tỉnh Bến tre

thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND Tỉnh Bến tre

để trường.

Khi về cảm cáo nghề :

Mua bán, dạy học, cắt tóc
chữa bệnh. Nên lao động
sản xuất.

Bến tre Ngày 18 tháng 6 năm 19 66

CHỦ TỊCH UBND TỈNH.



NƠI NHẬN

— Ông Viện trưởng VKSND _____ để biết.

— _____ để báo cáo

— Ông Giám thị trại tạm giam _____ để thi hành

— _____ để biết

— Đường sự khi về trình với _____ biết

— Lưu hồ sơ

X. H. H. H.

aus. Regierung vom 31. 10. 1942
an die Regierung in C. A. H.

Freiburg, 30. 6. 42

to. C. A. H.

Am liebsten

den vollen Namen

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

BẾN TRE

000

Số: 90 / UB-QĐ

-/-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bến Tre, Ngày 08 tháng 02 năm 1988

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

V/v Giải chế cho Số Đối Tượng Hết
Thời Gian Quản Chốt Tại Địa Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ luật tổ chức Hội Đồng Nhân Dân và UBND
được Hội Đồng Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt
Nam công bố ngày 09 tháng 07 năm 1983.

- Căn cứ sắc lệnh số 175/S.L ngày 16 tháng 06/ 1953
của Chủ tịch nước.

- Xét đề nghị của Chủ tịch UBND H. Châu thành
- Xét thái độ cải tạo của: *Nguyễn Văn Bội*
- Phạm tội: *Chiếu' uy' thuộc vụ phụ tá' đặc biệt*
- Sắc lệnh: *canh sát*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay giải chế cho: *Nguyễn Văn Bội*
Sinh năm: 1943. *Đặc' thưởng' trước*
áp' tiền' tẩu' thưởng' xã' diện' thuy' H. Châu thành T. Bến Tre...
Tỉnh Bến Tre.

Điều 2: *Nguyễn Văn Bội* kể từ nay được hưởng
quyền lợi, nghĩa vụ một công dân Nước
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa VIỆT NAM.

Điều 3: Các Đồng chí: Chánh Văn Phòng UBND Tỉnh
Chủ tịch Ủy ban nhân dân H. *Châu thành* và
Nguyễn Văn Bội chiểu quyết định này. *TH. HANH*

Nơi Nhận:

- TT. UB để báo
- TT. UBND Tỉnh: cáo
- Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh
- Giám Đốc CA
- Ban Nội Chính Tỉnh ủy
- Như điều 3 "để thi hành"
- Lưu (văn phòng).

000

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

[Signature]
Trần Văn...

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ
TỈNH BẾN TRE

Số : 013508 CN

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN VĂN BÌ

Số nhà : 189

Đường phố, ấp : Điền Tân Trường

Thị trấn, phường, xã : Điền Hải

Huyện, thị xã : Châu Thành

Ngày 20 tháng 6 năm 1984

Ký Trưởng công an Nguyễn Châu Thành

Tập số : 02

Trang số : 65

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	NGUYỄN VĂN BỊ	Chủ hộ	Nam	1943	320802514	làm vườn	1977		
2	NGUYỄN THỊ HỒNG LAN	Con	Nữ	1968	320682345	học sinh	1977		
3	NGUYỄN THỊ HỒNG CÚC	Con	Nữ	1969	320712178		1977		
4	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆ	Con	Nữ	1971	320754719		1977		
5	NGUYỄN THỊ HỒNG HÂN	Con	Nữ	1946	320029344	làm vườn	1977	Chị 320671131111 1977/1977	
6	NGUYỄN THỊ HỒNG GIAN	Con	Nữ	1979			1979		
7	NGUYỄN MAI HÈN	Con	Nam	1983			1983		Trần Thị
	NGUYỄN HỒNG VÂN	Vợ	Nữ	1949		làm vườn	1977		Trần Thị

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Biên Chuý
Huyện, Quận Châu Thành
Tỉnh, Thành phố Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 3020
II



GIẤY KHAI SINH (BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Mai Bền Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Bai mươi mốt tháng Gi, năm một ngàn chín trăm tám mươi ba
Nơi sinh Xã Biên Chuý
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Hồng Văn</u>	<u>Nguyễn Văn Bại</u>
Tuổi	<u>1940</u>	<u>1943</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Mời tró</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>129 Khu 1 ấp 11 huyện Biên Chuý</u>	<u>Xã Biên Chuý</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Văn Bại, 1943 xã Biên Chuý, giấy chứng minh số: 320802514

Người đứng khai ký

Bại
Nguyễn Văn Bại

Đăng ký ngày 03 tháng 5 năm 1983

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
P. CA. LƯU. HT X

Trần Văn Chiên (Chị K)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 10 năm 1988

T/M U.B.N.D KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU

Trần Văn Chiên
Nguyễn Hồng Phụng

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Biên Thủy
Huyện, Quận Châu Thành
Tỉnh, Thành phố Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 1324
Quê I



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Thị Hồng Gấm Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh ngày mười tháng mười một
năm một ngàn chín trăm bảy mươi chín
Nơi sinh Xã Biên Thủy
Dân tộc Khmer Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Hồng Văn</u>	<u>Nguyễn Văn Bội</u>
Tuổi	<u>1949</u>	<u>1943</u>
Dân tộc	<u>Khmer</u>	<u>Khmer</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Bác sĩ</u>	<u>Thợ mộc</u>
Nơi thường trú	<u>ấp Biền Tây Bường</u>	<u>ấp Biền Tây Bường</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Thị Hồng Văn, 1946 ấp Biền Tây Bường
Xã Biên Thủy chứng minh nhân dân số 320.029345

Người đứng khai ký

Văn
Nguyễn Thị Hồng Văn

Đăng ký ngày 26 tháng 2 năm 1980
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Ư. PC
Hồng Văn - Biền (cấp ký)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 10 năm 1988
T/M U.B.N.D LÝ TÊN, ĐÓNG DẤU

Thư Ký
Phu
Nguyễn Hưng Phụng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIẾN-HÒA

QUẬN MỎ-CÀY

XÃ ĐA-PHƯỚC-HỘI

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1971

Số hiệu : 404

Tên, họ đầu nhi	NGUYỄN-THỊ NGỌC-HUỆ
Phái	NỮ
Sanh ngày	Chín tháng 9 dl một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh	Nhà bảo-sanh Mỏ-Cày
Tên họ cha	Nguyễn-văn-Bí
Nghề nghiệp	Cảnh-Sát Quốc-Gia
Cư sở tại	Đa-Phước-Hội Kiến-Hòa
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Hồng-Vân
Nghề nghiệp	Nội-Trợ
Cư ngụ tại	Đa-Phước-Hội Kiến-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ-Chánh

SAO Ý BỘ CHÁNH

Mỏ-Cày, ngày 17 tháng 9 năm 1971

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



[Handwritten signature]

NGUYỄN-VĂN-ĐÀ

HÀ-TẤN-ĐỨC

ỦY BAN NHÂN DÂN,
Xã, Thị trấn Biển Thụy
Thị xã, Quận Châu Thành
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số : _____

Quyển số : _____

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Hồng Cúc</u>		Nam, nữ _____
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười hai tháng chạp năm một ngàn chín trăm Sáu Mươi Nhì</u>		
Nơi sinh	<u>XÃ AN ĐỨC - BÀ TRỊ</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Bị</u> <u>44 tuổi</u> <u>Kinh</u>	<u>Nguyễn Thị Hồng Văn</u> <u>36 tuổi</u> <u>Kinh</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u> <u>thờ Mờ</u>	<u>VIỆT NAM</u> <u>Buôn Bào</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Xưởng may quần chạt</u> <u>Sỏi (Bến Tre)</u>	<u>Ấp Tiên Tây Trường</u> <u>Xã Tiên Thủy (Bến Tre)</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Hồng Văn 36 tuổi</u> <u>Ấp Tiên Tây Trường Xã Tiên Thủy</u> <u>Bến Tre</u> <u>giấy CM HDMang số 3200299</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 11 năm 198 5

TM. UBND Nguyễn Văn Bị ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 26 tháng 6 năm 198 2
(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

U VTK

Đã ký

Thị Thu Hồng

Nguyễn Hưng Phụng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIÊN-HÒA

QUẬN BA-TRỊ

XÃ An-Đức

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm . 1968

Số hiệu : 109

Tên họ ấu nhi	NGUYỄN-THỊ HỒNG-LAN
Phái	Nữ
Sanh ngày	Ngày ba, tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.
Nơi sinh.	Xã An-Đức, Ba-Trị
Tên họ cha	Nguyễn Văn-Bí
Nghề-nghiệp	Cảnh-Sát Quốc-Gia
Cư sở tại	Xã An-Đức, Ba-Trị
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Hồng-Vân
Nghề-nghiệp	Học sinh
Cư sở tại.	Xã An-Đức, Ba-Trị
Vợ chánh hay vợ thứ.	Vợ chánh



KIÊN-THỊ

SAO Y BỘ CHÍNH

KIÊN-THỊ

An-Đức, ngày 15 tháng 12 năm 1969

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

An-Đức, ngày 15 tháng 12 năm 1969

XÃ-TRƯỞNG

NGUYỄN-VĂN-NGHIỆP



LÊ VĂN TÂM

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

Ngô Văn Tấn
HGRQ. Kiên-hòa

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

xã Tiên-thủy

tỉnh Kiên-hòa

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt - Nam)

(1)
NĂM 1949
(Année)

SỐ HIỆU 14
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn hồng Vân
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Fille
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 15 Juin 1949
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tiên-thủy Bentre
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn hữu Chương
Cha làm nghề gì (Sa profession)	cultivateur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tiên-thủy Bentre
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Phối
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tiên-thủy Bentre
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	lợ rang

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier ou Chef dudit Tribunal).

, ngày 196

CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Kiên-hòa, ngày 5-10- 1968

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

(1) -nhận xóa bốn số./.

Đoàn Văn Hương

Giá tiền: 5000

(Coût)

Biên-lai số: 18916/10

(Quittance N°)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà HỘI-ĐỒNG

TOÀ HỘI-ĐỒNG

Một bản chánh giấy 2 -vi THAI SƠN

(1) Ngày 27-11-1963

~~do cho~~ Nguyễn-văn-Bí

xin cấp đã được

Giấy thể-vi THAI SƠN

Ở HỘI-ĐỒNG

Chánh-Án Toà HỘI-ĐỒNG

cho Nguyễn-văn-Bí

với tư cách Thẩm-Pi Đà-Giải, lập ngày THAI SƠN

(1) Số 315

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

- NGUYỄN VĂN BÍ, sinh ngày 30-7-1923 tại xã Quốc-Thành .
(CHÍNH) con của Nguyễn-văn-Quyển (c) và Lê-thị-Giang.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Í lệ phí: 5000

THAI SƠN, ngày 4 tháng 2 năm 196
CHÁNH LỤC-SỰ,

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



ĐOÀN VĂN HƯƠNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH- PHỐ

TỈNH KIẾN-HÒA

QUẬN: THẠCH- GIANG

XÃ: AN-HỘI

Số hiệu 35

*

Tên họ người chồng

NGUYỄN-VĂN-BI

ng nghiệp

CẢNH-SÁT QUỐC-GI

ngày 30

tháng

7

năm

1943

tại

Quốc-Thành Bến-Tre

cư-sở tại

L.Đ 212/3 ấp 7 An-Hội, Kiến-Hòa

tạm-trú tại

Tên, họ cha chồng

Nguyễn-văn-Quyền (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng

Lê-thị-Sáng, 53 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ

NGUYỄN-HỒNG-VÂN

nghe-nghiệp

Học-sinh

sinh ngày 15

tháng

6

năm

1949

tại

Tiên-Thủy Bến-Tre

cư-sở tại

L.Đ 212/3 ấp 7 An-Hội, Kiến-Hòa

tạm-trú tại

Tên, họ cha vợ

Nguyễn-luân-Chương (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ

Nguyễn-thị-Phối, 59 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới

Đầu ba tháng tư năm 1967

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày

tháng

năm

tại

Trích y bản chính

in-lập

ngày

tháng

năm

1967

Viên-chức Hộ-tịch.

Chức danh Ủy.B.

ĐINH-CHÍNH

XI

Nhận theo chữ ký của

ỦY BAN HÀNH-CHÍNH XÃ

Kiểm theo ngày 9 tháng 5 năm 1967

T. L. ANH TRƯỞNG

Toronto, ngày 23 tháng 02 năm 1990.

Hình gửi : Lê Khắc Minh - h3.

Cháu hiện ở Toronto Canada, Cháu đã nghe tiếng của dì từ lâu, nay Cháu có việc này xin đi giúp đỡ cho Cháu và người thân của Cháu. Gia đình của người dì ruột Cháu hiện sống ở Bến Tre, Việt Nam. Là họ thuộc diện di dân học tập cải tạo về, đã nộp hồ sơ cho nhà nước Việt Nam để được Mỹ bảo lãnh, nhưng đã lâu rồi không có tin tức gì hết, có lẽ tại ở xa quá và phương tiện xe cô khó khăn, và hiện cảnh kinh tế rất là chật hẹp, cho nên bị lương Cháu nhờ Cháu chuyển hồ sơ này sang qua dì để dì xem và nếu đúng điều kiện mà Mỹ đòi hỏi thì Cháu xin đi chuyển hồ sơ này giúp Cháu.

Cháu tin tưởng ở dì rất nhiều, vì dì là người có uy tín và có tiếng tăm về vấn đề này với Mỹ,

Nếu đơn này được dì thuận, xin dì cho Cháu viết tin. Địa chỉ của Cháu:

Lê . thi . xuân . tiên

Nếu thờ có gì sơ xuất xin dì bỏ lỗi cho.
Trân trọng cảm ơn dì

Cháu.



HÌNH CHỤP CẤP CỨU
CỦA 7 NGƯỜI TRONG GIA ĐÌNH





NGUYỄN-VĂN-
BÌ
(1943)

NGUYỄN-HỒNG-
VĂN
sinh 1949

NGUYỄN-THỊ-
HỒNG-LAN
sinh 1968

NGUYỄN-THỊ-
HỒNG-CÚC
sinh 1969

NGUYỄN-THỊ-
NGOC-HUỆ
sinh 1971

NGUYỄN-THỊ-
HỒNG-GÂM
1979

NGUYỄN-MAI-
HÈN
sinh 1983

From: LÊ THỊ XUAN DIÊU



MAR 21 1990



TO: MRS. KHUC MINH THO
FAMILY OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION

P.O. BOX 5435
ARLINGTON - VA 22205-0635

USA



RR 076 555 32X CA

 **SECURITY SÉCURITÉ**

Canada Post Corporation Société canadienne des postes

40-076-604 (89-08)

RR 076 555 32X CA



RR 076 555 32X CA

RR 076 555 32X CA



CONTROL

- ____ Card
- ____ Doc. Request; Form
- ____ Release Order
- ____ Computer
- ____ Form "D"
- ____ ODP/Date
- ____ Membership Letter

4/2/90